

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HS-ST
Ngày: 30-5- 2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Thẩm phán: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Vũ Thị Dung

Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Văn Đại, ông Nguyễn Như Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐ-ST ngày 20 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Đặng Văn C, sinh ngày 16/9/1988 tại Hải Dương; số CCCD: 030088009774; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn D và bà Phan Thị H; có vợ (đã ly hôn) và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2017/HS-ST ngày 25/7/2017, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xử phạt bị cáo C 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2019; bị tạm giữ từ ngày 21/4/2024 hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

Người bào chữa: Luật sư Trần Trung K - Văn phòng L2, Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: Số A A đường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Tô Văn B, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu dân cư V, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương;

2. Anh Dương Ngọc A, sinh năm 1977; địa chỉ: P, khu C, Ngõ A, H, phường

L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

3. Anh Lê Hồng C1, sinh năm 1971; địa chỉ: Số A, đường H, K, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An.

4. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Số nhà F, Tổ B, khu C, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh.

5. Anh Lương Văn L, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn D, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

6. Anh Phạm Ngọc L1, sinh năm 1989; địa chỉ: Đ: Khu đô thị V, Đ, V, Vĩnh Phúc.

7. Chị Cù Thị C2, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu dân cư N, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

8. Anh Phạm Văn B1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số nhà A, đường L, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Ninh.

9. Anh Đinh Văn D1, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

10. Anh Hoàng Quang T, sinh năm 1978; địa chỉ: Số C, ngõ C, đường Đ, phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội.

11. Anh Bùi Ngọc X, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu A, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

12. Anh Lê Quang T1, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã C, tỉnh Bắc Giang.

13. Anh Vũ Đình T2, sinh năm 1970; địa chỉ: Số I đường Đ, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

14. Anh Đinh Thế H1, sinh năm 1994; địa chỉ: Số I, đường Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Ninh Bình.

15. Anh Phạm Hoàng S, sinh năm 1994; địa chỉ: Số I, đường Đ, phường Đ, thành phố H, tỉnh Ninh Bình.

(Có mặt anh Tô Văn B, vắng mặt những bị hại còn lại)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đặng Văn C có kinh nghiệm trong lĩnh vực vận chuyển hàng hóa bằng tàu thủy và giao lưu với các hội nhóm “Dân tàu thuyền miền bắc”, “Tàu hút cát”, “Dân tàu thuyền”... trên các trang mạng xã hội Facebook, Z nên biết nhiều người có nhu cầu thuê tàu thủy vận chuyển vật liệu xây dựng nhưng không kết nối được với chủ tàu, đơn vị vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy. Do cần tiền sử dụng cá nhân nên từ tháng 8/2022 đến tháng 4/2024, khi đang ở nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, C đưa ra thông tin gian dối trên tài khoản facebook tên “Dang Duc Minh” của C mạo danh là chủ phương tiện, chủ doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hút cát thuê, có

đất, cát bán, cho thuê phao hút cát... làm nhiều người tin tưởng chuyển tiền vào tài khoản số 868682699999 của C mở tại Ngân hàng TMCP Q để thuê tàu, mua vật liệu, nhiên liệu... Bằng thủ đoạn này, C đã chiếm đoạt 589.200.000 đồng của 15 công dân cư trú tại 08 tỉnh, thành phố trên địa bàn cả nước, cụ thể như sau:

(1) Ngày 08/3/2024, anh Tô Văn B chuyển khoản cho C tổng số 50.000.000 đồng để ứng tiền mua dầu. Ngày 17/4/2024, anh B có đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C. Ngày 21/4/2024, Đặng Văn C bị bắt khẩn cấp.

(2) Từ ngày 20/8/2022 đến ngày 23/8/2022, anh Dương Ngọc A chuyển khoản cho C tổng số 34.200.000 đồng để tạm ứng tiền dầu.

(3) Từ ngày 8/9/2022 và 9/9/2022, anh Lê Hồng C1 chuyển khoản cho C tổng số 65.000.000 đồng để tạm ứng tiền thuê xe, tiền ăn cho lái xe.

(4) Từ ngày 08/10/2022 đến ngày 12/10/2022, anh Nguyễn Văn Đ chuyển khoản cho C tổng số 37.000.000 đồng để tạm ứng tiền dầu.

(5) Ngày 29/6/2023, anh Lương Văn L chuyển khoản cho C tổng số 42.000.000 đồng để tạm ứng tiền dầu.

(6) Ngày 31/7/2023, anh Phạm Ngọc L1 chuyển khoản cho C 10.000.000 đồng để tạm ứng tiền mua cát và tiền dầu.

(7) Ngày 06/9/2023, chị Cù Thị C2 chuyển khoản cho C2 tổng số 25.000.000 đồng để tạm ứng tiền thuê phao hút cát.

(8) Ngày 14/10/2023, anh Phạm Văn B1 chuyển khoản cho C2 tổng số 20.000.000 đồng để đặt cọc tiền mua cát.

(9) Ngày 22/12/2023, anh Đinh Văn D1 chuyển khoản cho C2 tổng số 40.000.000 đồng để tạm ứng tiền dầu.

(10) Ngày 22/02/2024, anh Hoàng Quang T chuyển khoản cho C2 tổng số 22.000.000 đồng để tạm ứng tiền chi phí trên đường vận chuyển.

(11) Khoảng đầu tháng 3/2024, anh Bùi Ngọc X chuyển khoản cho C2 tổng số 30.000.000 đồng để tạm ứng tiền dầu.

(12) Ngày 19/3/2024, anh Lê Quang T1 chuyển khoản cho C2 tổng số 20.000.000 đồng để đặt cọc tiền mua cát.

(13) Từ ngày 23/3/2024 đến ngày 25/3/2024, anh Vũ Đình T2 chuyển khoản cho C2 tổng số 40.000.000 đồng để tạm ứng tiền dầu.

(14) Ngày 02/4/2024, anh Đinh Thế H1 chuyển khoản cho C2 tổng số 50.000.000 đồng để tạm ứng tiền thuê tàu.

(15) Ngày 04/4/2024, anh Phạm Hoàng S chuyển khoản cho C2 tổng số 104.000.000 đồng để đặt cọc tiền mua cát.

Sau khi nhận và chiếm đoạt 589.200.000 đồng của các bị hại, C2 chuyển khoản đến 33 số tài khoản khác nhau theo C2 khai để đánh bạc trên mạng Internet

và chuyển 94.000.000 đồng cho chị Đỗ Thị T3, sinh năm 1989, trú tại xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình để góp tiền nuôi con chung sau khi C2 và chị T3 ly hôn.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKS-P1 ngày 26/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Đặng Văn C tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi như Cáo trạng nêu và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo tự nguyện sử dụng toàn bộ số tiền có trong tài khoản ngân hàng của bị cáo đã bị phong tỏa để bồi thường cho các bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 48 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 12 năm đến 13 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 21/4/2024. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ tiền chiếm đoạt cho các bị hại, trừ số tiền hiện phong tỏa tại tài khoản của bị cáo, buộc bị cáo bồi thường số tiền còn lại cho các bị hại. Về vật chứng: Tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động của bị cáo; tịch thu cho hủy bỏ 02 thẻ sim điện thoại; kiến nghị với đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông xử lý các số thuê bao điện thoại di động của bị cáo theo quy định. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Người bào chữa đồng ý về tội danh, điều khoản pháp luật Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Tô Văn B xác định bị bị cáo chiếm đoạt tiền như Cáo trạng nêu, yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại theo quy định và đề nghị xử lý bị cáo nghiêm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, nội dung các bản sao kê tài khoản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 8/2022 đến tháng 4/2024, tại xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, Đặng Văn C đưa ra thông tin gian dối trên tài khoản mạng xã hội facebook

tên “Dang Duc M” về việc C có tàu vận chuyển thuê, hút cát thuê, có đất, cát bán, cho thuê phao hút cát làm 15 người tin tưởng chuyển tổng số tiền là 589.200.000 đồng vào tài khoản của C ứng tiền mua dầu, đặt cọc mua vật liệu xây dựng... bị C chiếm đoạt, sử dụng cá nhân. Trong đó: Chiếm đoạt của anh Dương Ngọc A 34.200.000 đồng; anh Lê Hồng C1 65.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn Đ 37.000.000 đồng; anh Lương Văn L 42.000.000 đồng; anh Phạm Ngọc L1 10.000.000 đồng; chị Cù Thị C2 25.000.000 đồng; anh Phạm Văn B1 20.000.000 đồng; anh Đinh Văn D1 40.000.000 đồng; anh Hoàng Quang T 22.000.000 đồng; anh Bùi Ngọc X 30.000.000 đồng; anh Tô Văn B 50.000.000 đồng; anh Lê Quang T1 20.000.000 đồng; anh Vũ Đình T2 40.000.000 đồng; anh Đinh Thế H1 50.000.000 đồng; anh Phạm Hoàng S 104.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của các bị hại. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là có căn cứ.

[3] Bị cáo thực hiện 15 hành vi chiếm đoạt tài sản của 15 bị hại, mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo đã bị kết án về tội cố ý, chưa được xóa án tích lại phạm tội mới do cố ý nên phải chịu các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ 02 lần trở lên” và “Tái phạm” quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo tự nguyện sử dụng toàn bộ số tiền trong tài khoản của bị cáo đã bị phong tỏa để bồi thường cho các bị hại nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có tiền án, nhân thân không tốt.

[5] Về hình phạt: Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Do hiện tại bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt số tiền 589.200.000 đồng của 15 bị hại. Tại tài khoản số 868682699999 của Đặng Văn C mở tại Ngân hàng TMCP Q hiện đã bị phong tỏa có số tiền 19.618.581 đồng; bị cáo tự nguyện sử dụng số tiền trên bồi thường cho các bị hại. Để đảm bảo công bằng cho các bị hại, số tiền trên sẽ bồi thường cho mỗi bị hại 1.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ bồi thường cho bị hại Phạm Hoàng S là người bị chiếm đoạt số tiền nhiều nhất trong vụ án. Bị cáo C có nghĩa vụ bồi thường số tiền còn lại cho các bị hại theo Điều 48 Bộ luật Hình sự. Tiếp tục phong tỏa tài khoản ngân hàng của bị cáo để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo Điều 129 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[7] Về vật chứng: 02 điện thoại di động thu giữ của bị cáo được xác định đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu cho phát mại, sung quỹ Nhà nước. 02 sim điện thoại thu giữ của bị cáo cần tịch thu cho hủy bỏ theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Số thuê bao di động bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần kiến nghị với đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông xử lý theo quy định của Luật Viễn thông.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết tội và phải bồi thường dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 129, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

3. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Đặng Văn C 12 (mười hai) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 21/4/2024.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

5. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đặng Văn C bồi thường cho 15 bị hại tổng số tiền 589.200.000 đồng, trừ số tiền 19.618.581 đồng trong tài khoản ngân hàng số 868682699999 của C mở tại Ngân hàng TMCP Q cho các bị hại, bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn lại cho 15 bị hại tổng là 569.581.419 đồng (chi tiết theo Phụ lục kèm theo bản án).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tiếp tục phong tỏa tài khoản ngân hàng số 868682699999 của Đặng Văn C mở tại Ngân hàng TMCP Q theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 224/LPT-SSHS-Đ3 ngày 14/3/2025 và Biên bản phong tỏa tài khoản ngày 14/3/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H (BL1.117-1.118) để đảm bảo thi hành án.

6. Về vật chứng: Tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động N 1200 và 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus thu giữ của bị cáo. Tịch thu cho hủy bỏ 02 sim điện thoại của bị cáo.

(Đặc điểm tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/5/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương).

Kiến nghị với đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông xử lý thuê bao di động số 079.531.1718 và 094.927.4588 của bị cáo Đặng Văn C theo quy định của Luật Viễn thông.

7. Về án phí: Buộc bị cáo Đặng Văn C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 26.783.257 đồng (hai mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I – TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT – CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV – CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS – CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Người bào chữa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: HS, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu